

Số: 256/2022\_ASP-SGDCK\_BCTC

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh BCTC riêng bán niên năm 2022 đã kiểm toán

Tp Hồ Chí Minh ngày 30 tháng 08 năm 2022

**Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.**

Căn cứ báo cáo tài chính bán niên và kết quả hoạt động kinh doanh đạt được trong 6 tháng đầu năm 2022 của Công ty Cổ phần tập đoàn dầu khí An Pha, hoạt kinh doanh của Công ty vẫn ổn định, doanh thu tăng nhưng lợi nhuận sau thuế giảm so với cùng kỳ. Công ty giải trình bổ sung nguyên nhân lợi nhuận sau thuế của của 6 tháng đầu năm 2022 giảm so với 6 tháng đầu năm 2021 bởi những nguyên nhân chính sau đây.

Chỉ tiêu	Số liệu 6 tháng	Số liệu 6 tháng	Chênh
	đầu năm 2022	đầu năm 2021	lệch (VND)
	1	2	3=2-1
1 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.943.140.156	39.124.225.378	(9.181.085.222)
2 Doanh thu hoạt động tài chính	11.416.798.716	7.440.288.270	3.976.510.446
3 Chi phí tài chính	17.559.266.883	8.834.729.061	8.724.537.822
4 Chi phí bán hàng	5.744.596.356	7.702.966.909	(1.958.370.553)
5 Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.164.822.339	12.625.843.431	(1.461.021.092)
6 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.898.320.294	17.412.974.247	(10.514.653.953)
7 Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.398.895.107	3.482.355.962	(2.083.460.855)
9 Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.499.425.187	13.930.618.285	(8.431.193.098)

**Nguyên nhân:**

- Lợi nhuận gộp giảm 9.181.085.222 đồng nguyên nhân chủ yếu là do giá vốn hàng bán tăng so với cùng kỳ.
  - Doanh thu tài chính tăng 3.976.510.44 đồng nguyên nhân do Công ty nhận được lợi nhuận từ công ty liên kết là Công ty Hong Vina .
  - Chi phí tài chính tăng 8.724.537.822 đồng nguyên nhân chủ yếu do lãi suất tiền vay tăng và lỗ chênh lệch tỉ giá đánh giá khoản vay ngoại tệ tăng so với cùng kỳ năm 2021.
- Từ các nguyên nhân chủ yếu trên nên lợi nhuận sau thuế của 6 tháng đầu năm 2022 giảm 8.431.193.098 đồng so với 6 tháng đầu năm 2021.

Trân trọng.



**TRẦN MINH LOAN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022**



Số: 257/2022\_ASP-SGDCK\_BCTC

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh BCTC Hợp Nhất bán niên năm 2022 đã kiểm toán

Tp Hồ Chí Minh ngày 30 tháng 08 năm 2022

**Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.**

Căn cứ báo cáo tài chính Hợp Nhất bán niên năm 2022 và kết quả hoạt động kinh doanh Hợp Nhất bán niên đạt được trong năm 2022 của Công ty cổ phần tập đoàn dầu khí An Pha, hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn ổn định, doanh thu bán hàng tăng nhưng lợi nhuận sau thuế lại giảm so với cùng kỳ. Công ty giải trình bổ sung nguyên nhân lợi nhuận Hợp Nhất sau thuế của 6 tháng đầu năm 2022 giảm so với 6 tháng đầu năm 2021 bởi những nguyên nhân chính sau đây.

Chỉ tiêu	Số liệu 6 tháng	Số liệu 6 tháng	Chênh
	đầu năm 2022	đầu năm 2021	lệch (VND)
	1	2	3=2-1
1 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	199.186.657.771	227.805.864.381	(28.619.206.610)
2 Doanh thu hoạt động tài chính	4.588.462.881	7.021.043.410	(2.432.580.529)
3 Chi phí tài chính	22.026.132.994	9.996.061.399	12.030.071.595
4 Chi phí bán hàng	151.227.096.506	167.061.330.916	(15.834.234.410)
5 Chi phí quản lý doanh nghiệp	60.325.729.990	57.407.077.218	2.918.652.772
6 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(28.452.907.771)	4.207.838.989	(32.660.746.760)
7 Lợi nhuận khác	6.888.650.106	16.049.269.816	(9.160.619.710)
8 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(21.564.257.665)	20.257.108.805	(41.821.366.470)
9 Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.429.011.760	4.135.821.246	(2.706.809.486)
10 Lợi nhuận sau thuế TNDN	(22.695.823.536)	16.622.613.568	(39.318.437.104)

**Nguyên nhân:**

- Lợi nhuận gộp giảm 28.619.206.610 đồng nguyên nhân chủ yếu là do giá vốn hàng bán tăng so với cùng kỳ.
  - Doanh thu tài chính giảm 2.432.580.529 đồng nguyên nhân do trong 6 tháng đầu năm 2022 thu nhập từ hoạt động đầu tư giảm so với 6 tháng đầu năm 2021.
  - Chi phí tài chính tăng 12.030.071.595 đồng nguyên nhân do chi phí lãi vay tăng và lỗ chênh lệch tỉ giá từ khoản vay gốc ngoại tệ tăng so với cùng kỳ.
  - Chi phí bán hàng giảm 15.834.234.410 đồng nguyên nhân chủ yếu do trong 6 tháng đầu năm năm 2022 giảm chi phí lương, chi phí công cụ, chi phí nguyên vật liệu và trong 6 tháng đầu năm năm 2021 có khoản chi phí khi thực hiện việc hạch toán sáp nhập các cty con.
  - Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 2.918.652.772 đồng nguyên nhân chủ yếu do chi phí khấu hao tài sản, chi phí xăng dầu và chi phí công tác tăng so với cùng kỳ.
  - Lợi nhuận khác giảm 9.160.619.710 đồng nguyên nhân chủ yếu do việc hạch toán tăng thu nhập khác khi sáp nhập các Công ty con trong 6 tháng đầu năm 2021.
- Từ các nguyên nhân chủ yếu trên nên lợi nhuận Hợp Nhất sau thuế của 6 tháng đầu năm 2022 giảm 39.318.437.104 đồng so với 6 tháng đầu năm 2021.

Trân trọng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 46



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015 là 373.399.290.000 VND (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: ASP.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Takehiko Kawamoto	Chủ tịch
Ông Trần Minh Loan	Thành viên
Ông Tomohiko Kawamoto	Thành viên
Ông Hirohisa Ikeno	Thành viên
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên

##### ỦY BAN KIỂM TOÁN

Ông Yasuyoshi Kasahara	Chủ tịch
Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Thành viên

##### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc
Ông Hirohisa Ikeno	Phó Tổng Giám đốc

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Trần Minh Loan**  
**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2022



Số: 149/2022/BCSX-CPA VIETNAM-HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
**Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha được lập ngày 27/8/2022, từ trang 05 đến trang 46, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Bùi Thị Thủy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2022/UQCN-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2022



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>978.733.066.905</b>	<b>1.032.558.855.570</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>51.047.922.493</b>	<b>163.633.204.838</b>
1. Tiền	111		21.047.922.493	33.633.204.838
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	130.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>100.578.357.615</b>	<b>100.578.357.615</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	100.578.357.615	100.578.357.615
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>802.522.010.787</b>	<b>755.345.332.584</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	619.317.838.758	527.233.949.642
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	13.670.984.562	16.655.750.132
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	153.915.782.000	199.240.782.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	15.617.405.467	12.214.850.810
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>16.702.713.398</b>	<b>11.083.368.819</b>
1. Hàng tồn kho	141		16.702.713.398	11.083.368.819
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.882.062.612</b>	<b>1.918.591.714</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	4.107.069.195	1.918.591.714
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.774.993.417	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>864.324.331.680</b>	<b>799.035.389.636</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>37.191.842.000</b>	<b>38.616.842.000</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	27.562.320.000	28.987.320.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	9.629.522.000	9.629.522.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11.476.488.534</b>	<b>1.669.291.594</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	1.317.794.446	1.669.291.594
- Nguyên giá	222		2.473.923.091	2.473.923.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.156.128.645)	(804.631.497)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	10.158.694.088	-
- Nguyên giá	228		11.287.437.878	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.128.743.790)	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>10.749.940.837</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	10.749.940.837
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>718.776.302.212</b>	<b>686.376.302.212</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.2	667.996.076.007	655.596.076.007
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	94.056.055.625	74.056.055.625
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	5.2	(43.275.829.420)	(43.275.829.420)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>96.879.698.934</b>	<b>61.623.012.993</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	96.879.698.934	61.623.012.993
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.843.057.398.585</b>	<b>1.831.594.245.206</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>1.344.960.296.714</b>	<b>1.338.996.568.522</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.176.245.046.714</b>	<b>1.150.091.568.522</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	587.547.572.799	603.472.723.822
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	4.682.571.525
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	1.458.192.610	5.873.391.123
4. Phải trả người lao động	314		404.072.169	452.983.272
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	1.967.152.894	13.512.397.832
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	1.083.424.420	2.509.145.956
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	583.765.757.914	519.569.481.084
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		18.873.908	18.873.908
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>168.715.250.000</b>	<b>188.905.000.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	168.715.250.000	188.905.000.000
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>498.097.101.871</b>	<b>492.597.676.684</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.16</b>	<b>498.097.101.871</b>	<b>492.597.676.684</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.399.290.000	373.399.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.399.290.000	373.399.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.433.420.000	1.433.420.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(3.639.900)	(3.639.900)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		306.228.116	306.228.116
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		122.961.803.655	117.462.378.468
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		117.462.378.468	82.960.212.150
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.499.425.187	34.502.166.318
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>1.843.057.398.585</b>	<b>1.831.594.245.206</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu



Lại Văn Tú

Kế toán trưởng



Lại Văn Tú

Tổng Giám đốc



Trần Minh Loan

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.654.896.733.590	1.175.139.448.601
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		1.654.896.733.590	1.175.139.448.601
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.624.953.593.434	1.136.015.223.223
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		29.943.140.156	39.124.225.378
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	11.416.798.716	7.440.288.270
7. Chi phí tài chính	22	6.4	17.559.266.883	8.834.729.061
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.262.061.839	8.768.817.614
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	5.744.596.356	7.702.966.909
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	11.164.822.339	12.625.843.431
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		6.891.253.294	17.400.974.247
11. Thu nhập khác	31		7.067.000	12.000.000
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		7.067.000	12.000.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		6.898.320.294	17.412.974.247
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	1.398.895.107	3.482.355.962
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		5.499.425.187	13.930.618.285

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lại Văn Tú

Lại Văn Tú

Trần Minh Loan





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.898.320.294	17.412.974.247
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		1.480.240.938	105.877.030
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		727.600.000	(269.147.941)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(11.215.236.168)	(6.869.941.303)
- Chi phí lãi vay	06		13.262.061.839	8.768.817.614
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		11.152.986.903	19.148.579.647
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(94.735.521.981)	(12.510.031.705)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.619.344.579)	(2.342.946.673)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(30.198.341.193)	239.414.674.304
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(37.445.163.422)	(1.534.265.580)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(13.484.676.594)	(9.412.990.800)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.141.826.922)	(1.450.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(174.471.887.788)	231.313.019.193
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(4.601.891.176)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(100.000.000.000)	(417.715.782.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		146.750.000.000	203.975.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(32.400.000.000)	(58.103.340.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	193.215.782.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.136.589.488	14.431.650.090
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		23.486.589.488	(68.798.581.086)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
			VND	VND
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.798.039.092.734	1.013.082.194.727
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.758.158.015.904)	(1.175.800.081.841)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.481.060.875)	(10.249.275)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		38.400.015.955	(162.728.136.389)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(112.585.282.345)	(213.698.282)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	163.633.204.838	14.559.050.744
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	51.047.922.493	14.345.352.462

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2022

Người lập biên

Lại Văn Tú

Kế toán trưởng

Lại Văn Tú

Tổng Giám đốc

Trần Minh Loan





Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015 là 373.399.290.000 VND (*Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn*).

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: ASP.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2022 là 10 người (tại ngày 31/12/2021 là 11 người).

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Mua bán khí hóa lỏng, vật tư thiết bị dầu khí;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở);
- Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công - nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng;
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ. Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện);
- Sản xuất vật liệu xây dựng - xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán phương tiện vận tải;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng và mua bán thang máy, thiết bị ngành xây dựng (Không gia công cơ khí và sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở).

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**1.3 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/6/2022, Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau:

<b>STT</b>	<b>Tên Công ty</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>
<b>Các Công ty con trực tiếp</b>						
1	Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha	Lô CN 03-07, cụm công nghiệp Ninh Hiệp, Xã Ninh Hiệp, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	98,57%	98,57%	98,57%
2	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Đình	Lã Xuân Oai, Khu phố 4, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%	100,00%
3	Công ty Cổ phần MT Gas	Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	67,56%	67,56%	67,56%
4	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải	Tổ 92, Lô 8 A.1.1, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	80,00%	80,00%	80,00%
5	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	79 Nguyễn Hồng, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	97,99%	97,99%	97,99%
<b>Các Công ty con gián tiếp (thông qua các Công ty con trực tiếp)</b>						
6	Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	99,99%	99,99%	99,99%
7	Công ty TNHH MTV Minh Gia	Ô 19, Lô B6, Khu dân cư Thuận Giao, Khu phố Bình Thuận 2, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%	100,00%



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**1.3 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
<b>Các Công ty liên kết</b>						
1	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	826 Đường An Dương Vương, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất bình Gas	35,00%	35,00%	35,00%
2	Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Số 34A, đường Nguyễn Khoái, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
3	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Xóm 2, Xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
4	Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Số 26, ngõ 29, phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
5	Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Số 01, KP 2, Xã Lộ Hà Nội, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
6	Công ty TNHH LPG Tiên Phát	Áp 3, Xã Nhứt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
7	Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Số 456C/8, Khu phố Nội Hóa 1, Phường Bình An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	35,00%	35,00%	35,00%
8	Công ty Cổ phần LPG Biên Đông	số 133/1A Đỗ Xuân Hợp, Khu phố 2, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	20,00%	20,00%	20,00%
9	Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Tầng 3, Khu dịch vụ Sân bay Gia Lâm, Đường Đàm Quang Trung, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	33,00%	33,00%	33,00%

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

***Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ***

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

***Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ***

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh tại ngày 30/6/2022.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

*Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

*Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.



Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

*Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư*

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào công ty liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

Thiết bị, dụng cụ quản lý

Số năm  
04

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

**Thuê hoạt động**

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng (nhà xưởng, kho bãi) để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

**Cho thuê tài sản**

**Cho thuê hoạt động**

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Chi phí bảo lãnh phát hành**

Chi phí bảo lãnh phát hành bao gồm các khoản chi phí Công ty thanh toán cho mục đích bảo lãnh phát hành thư tín dụng (LC) để nhập khẩu, mua sắm hàng hóa dịch vụ. Chi phí này được phân bổ trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng phát hành thư tín dụng (L/C) tương ứng, với thời gian từ 08 đến 14 tháng.



Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

#### Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước (Tiếp theo)

##### *Tiền thuê tài sản trả trước*

Tiền thuê tài sản trả trước liên quan đến tài sản thuê hoạt động (bao gồm văn phòng Công ty, kho bãi sử dụng cho việc bán hàng, kinh doanh) mà Công ty đang sử dụng thể hiện khoản tiền trả trước cho một kỳ hạn thuê. Tiền thuê tài sản trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với kỳ hạn thuê.

##### *Chi phí sửa chữa tài sản*

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản được Công ty phân loại thành sửa chữa nhỏ và sửa chữa lớn. Các khoản chi phí này được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 12 tháng (đối với chi phí sửa chữa nhỏ) và tối đa 36 tháng (đối với chi phí sửa chữa lớn).

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

##### *Chi phí vô bình gas*

Chi phí trả trước là giá trị vô bình gas đã đưa vào sử dụng, chi phí sơn sửa bảo dưỡng, kiểm định vô bình gas. Chi phí vô bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm theo hướng dẫn tại Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 02/6/2009 và Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10/8/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai.

#### Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty hoặc các bên liên quan;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau

- Chi phí lãi vay phải trả: trích trước dựa trên số dư nợ, lãi suất áp dụng và số ngày tính lãi, căn cứ trên hợp đồng vay.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và Hội đồng Quản trị Công ty thông qua việc chốt danh sách quyền nhận cổ tức.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa (LPG, và các sản phẩm liên quan đến nhà bếp), doanh thu cho thuê và doanh thu cung cấp dịch vụ khác.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

***Doanh thu bán hàng hóa***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

***Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chính của Công ty là kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.



Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt	684.423.134	37.356.032
Tiền gửi ngân hàng	20.363.499.359	33.595.848.806
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	130.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (i)	30.000.000.000	130.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>51.047.922.493</b>	<b>163.633.204.838</b>

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng mở tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Sài Gòn, với lãi suất áp dụng là 4%/năm.

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	100.578.357.615	100.578.357.615	100.578.357.615	100.578.357.615
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	100.578.357.615	100.578.357.615	100.578.357.615	100.578.357.615
<b>Tổng</b>	<b>100.578.357.615</b>	<b>100.578.357.615</b>	<b>100.578.357.615</b>	<b>100.578.357.615</b>

(i) Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần với kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng, lãi suất áp dụng từ 5,1%/năm đến 5,5%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)****b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/6/2022 (VND)			01/01/2022 (VND)			
	Tỷ lệ Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>			667.996.076.007		(40.436.197.091)	655.596.076.007	(40.436.197.091)
Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha	98,57%	98,57%	142.307.241.235	(i)	-	142.307.241.235	(i)
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	100,00%	100,00%	443.340.459.992	(i)	(14.254.200.489)	443.340.459.992	(i)
Công ty Cổ phần MT Gas (ii)	67,56%	67,56%	35.699.374.780	25.537.680.000	(17.888.759.877)	35.699.374.780	34.050.760.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải (iii)	80,00%	80,00%	18.400.000.000	(i)	(6.000.000.000)	6.000.000.000	(i)
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	97,99%	97,99%	28.249.000.000	(i)	(2.293.236.725)	28.249.000.000	(i)



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

	30/6/2022 (VND)			01/01/2022 (VND)		
	Tỷ lệ Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con (trang trước chuyển sang)			667.996.076.007	(40.436.197.091)	655.596.076.007	(40.436.197.091)
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			94.056.055.625	(2.839.632.329)	74.056.055.625	(2.839.632.329)
Công ty TNHH Bình Khí đốt Hongvina	35,00%	35,00%	10.725.395.625	(i)	10.725.395.625	(i)
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	49,00%	49,00%	1.470.000.000	(i)	1.470.000.000	(i)
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Tân Đại Phát	49,00%	49,00%	2.385.320.000	(i)	2.385.320.000	(i)
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	49,00%	49,00%	1.372.000.000	(i)	1.372.000.000	(i)
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	49,00%	49,00%	7.513.340.000	(i)	7.513.340.000	(i)
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	49,00%	49,00%	2.940.000.000	(i)	2.940.000.000	(i)
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	35,00%	35,00%	13.650.000.000	(i)	13.650.000.000	(i)
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	20,00%	20,00%	34.000.000.000	(i)	34.000.000.000	(i)
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội (iv)	33,00%	33,00%	20.000.000.000	(i)	20.000.000.000	(i)
<b>Tổng</b>			<b>762.052.131.632</b>	<b>(43.275.829.420)</b>	<b>729.652.131.632</b>	<b>(43.275.829.420)</b>

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty không niêm yết tại ngày 30/6/2022 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

(ii) Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần MT Gas bằng giá đóng cửa của cổ phiếu Công ty Cổ phần MT Gas (mã chứng khoán: MTG) trên hệ thống giao dịch UpCOM nhân (x) số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ tại ngày 30/6/2022. Cụ thể, tại ngày 30/6/2022, giá đóng cửa của cổ phiếu MTG là 6.000 VND/cổ phiếu, số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ là 4.256.280 cổ phiếu.

(iii) Công ty tăng giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải thông qua việc mua cổ phần trong đợt chào bán cổ phần bổ sung, căn cứ trên Biên bản họp Hội đồng quản trị số 13/BBHĐQT-ASP/2021 ngày 15/11/2021. Tỷ lệ sở hữu của Công ty sau khi đầu tư bổ sung là 80%.

(iv) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội bằng việc mua cổ phần chào bán riêng lẻ với số tiền là 20.000.000.000 VND, căn cứ trên Biên bản họp Hội đồng quản trị số 11/BBHĐQT-ASP/2021 ngày 08/8/2021. Tỷ lệ sở hữu của Công ty sau giao dịch mua cổ phần là 33%.

Các giao dịch và số dư trọng yếu của Công ty và các công ty con, công ty liên kết trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 7.2.

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	59.796.825.759	-
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	333.204.021.562	351.070.740.555
Công ty Cổ Phần Năng Lượng An Phú	54.045.371.723	8.605.811.062
Công ty Cổ phần MT Gas	24.625.949.415	22.170.277.751
Công ty Cổ Phần Gas Thủ Đức	-	65.957.600.002
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Toàn	17.419.301.283	7.124.367.640
Công ty TNHH Sopot Gas One	5.209.574.966	8.438.999.844
Công ty Cổ Phần Dầu Khí Sài Gòn - Hà Nội	18.386.320.224	11.455.711.819
Công ty TNHH Hyosung Quảng Nam	2.855.388.327	7.725.290.221
Công ty TNHH Hải Linh	10.350.011.250	9.210.633.250
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	40.596.846.871	-
Phải thu các đối tượng khác	52.828.227.378	35.474.517.498
<b>Tổng</b>	<b>619.317.838.758</b>	<b>527.233.949.642</b>

Trong đó:

Phải thu khách hàng là các bên liên quan

524.287.884.993

413.354.184.132

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty Cổ phần Công nghệ An Toàn Dầu khí Việt Nam	-	1.300.000.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	7.352.057.364	7.352.057.364
Công ty TNHH Bình Khí đốt Hong Vina	-	5.707.200.000
Công ty Cổ phần True Stats	5.272.875.000	-
Các đối tượng khác	1.046.052.198	2.296.492.768
<b>Tổng</b>	<b>13.670.984.562</b>	<b>16.655.750.132</b>

*Trong đó:*

<i>Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	-	5.707.200.000
-------------------------------------------------------------------------------------------	---	---------------

**5.5 Phải thu về cho vay**

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>153.915.782.000</b>	<b>199.240.782.000</b>
Ông Nguyễn Thế Giáp (i)	2.600.000.000	2.600.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh (ii)	149.415.782.000	195.215.782.000
Công ty TNHH LPG Tiên Phát (iii)	1.900.000.000	1.425.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>27.562.320.000</b>	<b>28.987.320.000</b>
Công ty TNHH LPG Tiên Phát (iii)	5.225.000.000	6.650.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt (iv)	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Vinh Quang (v)	4.600.000.000	4.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát (vi)	8.217.320.000	8.217.320.000
Ông Nguyễn Hữu Minh Hải (vii)	4.000.000.000	4.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>181.478.102.000</b>	<b>228.228.102.000</b>

*Trong đó:*

<i>Phải thu về cho vay từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	174.878.102.000	221.628.102.000
---------------------------------------------------------------------------------------	-----------------	-----------------

(i) Khoản cho Ông Nguyễn Thế Giáp vay theo hợp đồng số 26/2019/HĐVT/ASP-NTG ngày 16/5/2019 với số tiền là 2.600.000.000 VND. Lãi suất 5%. Thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Khoản vay được gia hạn đến hết ngày 31/12/2022.

(ii) Khoản cho Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh vay theo Hợp đồng số 2602/2021/HĐCV/ASP-BM ngày 26/02/2021 với số tiền vay là 193.215.782.000 VND, lãi suất tiền vay là 3,4%/năm, được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Thời hạn vay: từ ngày nhận tiền vay đến 25/05/2022. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Khoản vay được gia hạn đến hết ngày 31/12/2022.

(iii) Khoản cho Công ty TNHH LPG Tiên Phát vay theo Hợp đồng cho vay từng lần số 0104/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 01/4/2021 với số tiền vay là 9.500.000.000 VND, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng cho kỳ đầu từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021, lãi suất các kỳ sau được điều chỉnh ngày 1 tháng 1 hàng năm dương lịch. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**5.5 Phải thu về cho vay (Tiếp theo)**

(iv) Khoản cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt vay theo Hợp đồng số 02-VAY ASP/TĐ 2017 ngày 01/7/2017 với số tiền là 5.520.000.000 VND. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm. Theo Hợp đồng, khoản vay không có tài sản đảm bảo, thay vào đó là quyền Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha được tham gia điều hành Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt.

(v) Khoản cho Công ty TNHH Vinh Quang vay theo Hợp đồng số 01 VAY-ASP/VQ 2017 ngày 01/7/2017 với số tiền là 4.600.000.000 VND. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm. Theo Hợp đồng, khoản vay không có tài sản đảm bảo, thay vào đó là quyền Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha được tham gia điều hành Công ty TNHH Vinh Quang.

(vi) Khoản cho Công ty TNHH Tân Đại Phát vay theo Hợp đồng số 03 VAY-ASP/TĐP 2017 ngày 01/7/2017 với số tiền là 8.217.320.000 VND. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm. Theo Hợp đồng, khoản vay không có tài sản đảm bảo, thay vào đó là quyền Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha được tham gia điều hành Công ty TNHH Tân Đại Phát.

(vii) Khoản cho Ông Nguyễn Hữu Minh Hải và Bà Lý Thị Cẩm Giàng vay theo Hợp đồng số 0204/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 30/6/2021 với số tiền vay là 4.000.000.000 VND, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021. Thời hạn vay từ ngày 30/6/2021 đến hết ngày 30/6/2024. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản tại ấp 3, Xã Nhựt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An do ông Nguyễn Hữu Minh Hải sở hữu và đứng tên.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**5.6 Phải thu ngắn hạn khác**

	30/6/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>15.617.405.467</b>	<b>-</b>	<b>12.214.850.810</b>	<b>-</b>
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	3.150.000.000	-	-	-
Phải thu ông Lại Văn Tú (i)	400.000.000	-	400.000.000	-
Saisan Co., Ltd. - Phải thu tiền thuế TNCN nộp hộ (ii)	4.155.076.162	-	3.127.442.922	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	3.360.519.667	-	4.431.872.987	-
Phải thu ông Phạm Huy Hoàng (iii)	213.360.000	-	213.360.000	-
Tạm ứng cho nhân viên Ký cược, ký quỹ	3.796.141.806	-	3.001.674.901	-
	540.500.000	-	1.040.500.000	-
Các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc nộp thừa	1.807.832	-	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>9.629.522.000</b>	<b>-</b>	<b>9.629.522.000</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	3.164.522.000	-	3.164.522.000	-
Phải thu Ông Trần Quốc Bửu (iv)	1.685.000.000	-	1.685.000.000	-
Phải thu uỷ thác đầu tư Ông Vũ Thanh Hòa (v)	4.780.000.000	-	4.780.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>25.246.927.467</b>	<b>-</b>	<b>21.844.372.810</b>	<b>-</b>

*Trong đó*

*Phải thu ngắn hạn  
khác là các bên liên  
quan*

*(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)*

(i) Đây là khoản Công ty ủy quyền cho Ông Lại Văn Tú thực hiện chuyển tiền mua 2% cổ phần của các Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo. Khoản phải thu khác này sẽ được thu hồi khi Công ty thực hiện tái cơ cấu khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo.

(ii) Đây là các khoản thuế TNCN Công ty thực hiện quyết toán thay và nộp hộ cho người lao động được cử sang làm việc từ Cổ đông lớn của Công ty, Saisan Co., Ltd.. Sau khi nhận được giấy chứng nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước, Saisan Co., Ltd. sẽ thực hiện hoàn trả lại khoản tiền thuế TNCN cho Công ty.

(iii) Đây là khoản Công ty ủy quyền cho Ông Phạm Huy Hoàng thực hiện chuyển tiền mua 2% cổ phần của các Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang, Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh Thương mại Thành Đạt và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát. Khoản phải thu khác này sẽ được thu hồi khi Công ty thực hiện tái cơ cấu các khoản đầu tư tại Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang, Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh Thương mại Thành Đạt và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**5.6 Phải thu ngắn hạn khác (Tiếp theo)**

(iv) Căn cứ theo hợp đồng mua bán cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha giữa Công ty và Ông Trần Quốc Bửu ngày 25/12/2017, Ông Trần Quốc Bửu sẽ trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha đã vay trước đây với số tiền là 3.685.000.000 đồng, mỗi năm thanh toán 500.000.000 đồng kể từ năm 2018 đến năm 2025.

(v) Công ty ủy quyền cho Ông Vũ Thanh Hòa thực hiện mua 16% cổ phần của Công ty TNHH Bình Khí đốt Hongvina.

**5.7 Hàng tồn kho**

	30/6/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	16.702.713.398	-	11.083.368.819	-
<b>Tổng</b>	<b>16.702.713.398</b>	<b>-</b>	<b>11.083.368.819</b>	<b>-</b>

**5.8 Chi phí trả trước**

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>4.107.069.195</b>	<b>1.918.591.714</b>
Chi phí bảo lãnh phát hành	1.277.767.259	1.658.852.214
Chi phí sửa chữa	47.181.240	-
Chi phí thuê văn phòng và kho bãi	1.387.210.820	209.029.000
Chi phí đào tạo nâng cao nghiệp vụ bán hàng	916.647.084	-
Các khoản khác	478.262.792	50.710.500
<b>Dài hạn</b>	<b>96.879.698.934</b>	<b>61.623.012.993</b>
Chi phí mua vỏ chai LPG (i)	92.240.738.934	48.057.593.205
Chi phí thuê	4.638.960.000	6.276.240.000
Các khoản khác	-	7.289.179.788
<b>Tổng</b>	<b>100.986.768.129</b>	<b>63.541.604.707</b>

(i) Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm theo hướng dẫn tại Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 02/6/2009 và Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10/8/2010 hướng dẫn về Chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai.



Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2022	2.473.923.091	2.473.923.091
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2022	<u>2.473.923.091</u>	<u>2.473.923.091</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2022	804.631.497	804.631.497
Tăng trong kỳ	351.497.148	351.497.148
Khấu hao trong kỳ	351.497.148	351.497.148
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2022	<u>1.156.128.645</u>	<u>1.156.128.645</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2022	<u>1.669.291.594</u>	<u>1.669.291.594</u>
Tại ngày 30/6/2022	<u>1.317.794.446</u>	<u>1.317.794.446</u>

**5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Phần mềm máy tính	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2022	-	-
Tăng trong kỳ	11.287.437.878	11.287.437.878
Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11.287.437.878	11.287.437.878
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2022	<u>11.287.437.878</u>	<u>11.287.437.878</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2022	-	-
Tăng trong kỳ	1.128.743.790	1.128.743.790
Khấu hao trong kỳ	1.128.743.790	1.128.743.790
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2022	<u>1.128.743.790</u>	<u>1.128.743.790</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2022	-	-
Tại ngày 30/6/2022	<u>10.158.694.088</u>	<u>10.158.694.088</u>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**5.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/6/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí Công ty TNHH Năng lượng Bảo Thanh	560.007.182.340	560.007.182.340	597.838.774.785	597.838.774.785
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam - Chi nhánh Miền Nam Siam Gas Trading PTE Ltd.	-	-	3.498.099.892	3.498.099.892
Phải trả cho các đối tượng khác	4.048.299.434	4.048.299.434	2.135.849.145	2.135.849.145
<b>Tổng</b>	<b>587.547.572.799</b>	<b>587.547.572.799</b>	<b>603.472.723.822</b>	<b>603.472.723.822</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan</i>	<i>1.170.475.800</i>	<i>1.170.475.800</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>				

**5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2022
<b>Phải nộp</b>	<b>5.873.391.123</b>	<b>6.037.331.885</b>	<b>10.452.530.398</b>	<b>1.458.192.610</b>
Thuế giá trị gia tăng	1.664.559.034	2.491.001.764	4.155.560.798	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.186.818.568	1.186.818.568	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.141.826.922	1.398.895.107	4.141.826.922	1.398.895.107
Thuế thu nhập cá nhân	67.005.167	936.128.399	943.836.063	59.297.503
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	20.488.047	20.488.047	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-



Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
		(Trình bày lại)
Trích trước chi phí lãi vay	1.967.152.894	2.189.767.649
Trích trước giá trị hàng mua chưa có hóa đơn	-	11.083.368.819
Các khoản khác	-	239.261.364
<b>Tổng</b>	<b>1.967.152.894</b>	<b>13.512.397.832</b>

**5.14 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	37.650.710	9.014.750
Bảo hiểm y tế	2.065.813	3.203.526
Cổ tức phải trả	865.898.194	2.346.959.069
Phải trả, phải nộp khác	177.809.703	149.968.611
<b>Tổng</b>	<b>1.083.424.420</b>	<b>2.509.145.956</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính**

	30/6/2022 (VND)		Biến động trong kỳ (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>583.765.757.914</b>	<b>583.765.757.914</b>	<b>1.822.354.292.734</b>	<b>1.758.158.015.904</b>	<b>519.569.481.084</b>	<b>519.569.481.084</b>
Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Hồ Chí Minh (i)	120.597.442.843	120.597.442.843	251.580.212.388	235.677.991.132	104.695.221.587	104.695.221.587
Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (ii)	320.095.461.687	320.095.461.687	1.408.921.105.823	1.391.692.788.674	302.867.144.538	302.867.144.538
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (iii)	111.655.303.384	111.655.303.384	137.537.774.523	100.461.936.098	74.579.464.959	74.579.464.959
Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (iv)	8.772.000.000	8.772.000.000	4.676.000.000	4.553.000.000	8.649.000.000	8.649.000.000
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (v)	22.645.550.000	22.645.550.000	19.639.200.000	25.772.300.000	28.778.650.000	28.778.650.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>168.715.250.000</b>	<b>168.715.250.000</b>	<b>5.582.750.000</b>	<b>25.772.500.000</b>	<b>188.905.000.000</b>	<b>188.905.000.000</b>
Saisan Co., Ltd.	-	-	-	-	-	-
Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (iv)	19.284.000.000	19.284.000.000	785.000.000	4.891.000.000	23.390.000.000	23.390.000.000
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (v)	149.431.250.000	149.431.250.000	4.797.750.000	20.881.500.000	165.515.000.000	165.515.000.000
<b>Tổng</b>	<b>752.481.007.914</b>	<b>752.481.007.914</b>	<b>1.827.937.042.734</b>	<b>1.783.930.515.904</b>	<b>708.474.481.084</b>	<b>708.474.481.084</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

- (i) Hợp Đồng tín dụng tuân hoàn kỳ giữa Công ty và Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ngày 10/5/2019:
- Ngân hàng đồng ý cấp cho Công ty một khoản tín dụng toàn hoàn không cam kết với tổng số tiền tối đa là 24.000.000 USD thực hiện dưới các hình thức: Các khoản vay, Phát hành và chấp nhận các Thư tín dụng, phát hành bảo lãnh;
  - Thời hạn của các khoản vay không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn;
  - Mục đích sử dụng vốn : Bổ sung vốn lưu động;
  - Lãi suất: Mỗi khoản vay chịu lãi với tỷ lệ % trên năm được tính bằng mức lãi biên cộng với lãi suất tham chiếu, cộng với các khoản thuế phải trả. Mức lãi biên là 0,5% hoặc mỗi khoản vay sẽ có lãi suất thỏa thuận.
  - Ngày hết hạn giải ngân của Hợp đồng ban đầu: 25/3/2020. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo.
  - Biện pháp bảo lãnh: Được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh cấp bởi Bến Bảo lãnh là Công ty Saisan.
- (ii) Hợp đồng chung về các giao dịch tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng và Phụ lục Hợp đồng tín dụng số FL/021/19, và phụ lục Hợp đồng tín dụng số FL/019/22 ngày 15/3/2022 được ký giữa Công ty và Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:
- Hạn mức tín dụng: Tổng số tiền của Hạn Mức tín dụng sẽ không vượt quá 20.000.000 USD hoặc các loại tiền tệ tương đương.
  - Thời hạn của các khoản vay không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn;
  - Lãi suất vay: 0,5%/năm trên chi phí vốn của Ngân hàng.
  - Mục đích của hợp đồng tín dụng : Tài trợ vốn lưu động chung và Bảo lãnh thanh toán và không được sử dụng cho mục đích nào khác.
  - Thời hạn rút vốn : Hạn mức tín dụng sẽ có hiệu lực từ ngày 15/3/2022 đến ngày 15/3/2023, và sẽ tự động được gia hạn thêm các kỳ hạn một năm liên tục, trừ trường hợp Ngân hàng thông báo khác đi tới Công ty.
  - Biện pháp bảo đảm: khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh số CP/HCM/007-17 ngày 11/7/2017, và Phụ kiện Hợp đồng vay vốn số 03 ngày 31/12/2021:
- Hạn mức tín dụng là 15.000.000 USD. Lãi suất vay: Chi phí vốn + 0,5%/năm, được tính và trả vào mỗi tháng;
  - Thời hạn của các khoản vay không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn;
  - Mục đích : Tài trợ nhu cầu kinh doanh của bên vay. Điều kiện đảm bảo: Thư tín dụng dự phòng do Saitama Resona Bank Limited phát hành. Kèm theo bản các điều khoản và điều kiện tiêu chuẩn áp dụng cho các phương thức tín dụng ngân hàng. Đây là một hợp đồng liên tục. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải Ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo;
  - Lãi suất phạt đối với nợ gốc quá hạn: Lãi trên nợ gốc quá hạn không vượt quá 150% lãi suất quy định. Lãi chậm thanh toán lãi sẽ được áp dụng không vượt quá 10%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

(iv) Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (Singapore) ngày 06/3/2020:

- Số tiền cho vay: 2.000.000 USD, các khoản vay được thực hiện bằng USD (Đô la Mỹ);
- Mục đích của khoản vay: cho vay/tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan;
- Ngày giải ngân: 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025;
- Phương thức trả nợ: Khoản vay được trả góp định kỳ 10 lần nửa năm, mỗi lần 200.000 USD với khoản trả góp đầu tiên thanh toán vào ngày 30/9/2020. Những kỳ trả nợ sau sẽ rơi vào mỗi ngày tương ứng với ngày trả nợ đầu tiên mỗi Sáu (06) tháng tiếp theo, và số tiền dư phải được hoàn trả đầy đủ vào ngày hoàn trả cuối cùng.
- Lãi suất: 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.
- Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(v) Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 06/3/2020:

- Số tiền cho vay: 8.400.000 USD;
- Mục đích của khoản vay: tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan;
- Ngày giải ngân: 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025;
- Ngày hoàn trả đầu tiên: 30/9/2020. Sau đó, khoản vay sẽ được hoàn trả mỗi 6 tháng tính từ ngày hoàn trả đầu tiên.
- Lãi suất: 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.
- Khoản vay không có tài sản đảm bảo.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**5.16 Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2021	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	101.629.983.150	476.765.281.366
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	34.502.166.318	34.502.166.318
Chia cổ tức	-	-	-	-	(18.669.771.000)	(18.669.771.000)
Số dư tại ngày 31/12/2021	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	117.462.378.468	492.597.676.684
Số dư tại ngày 01/01/2022	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	117.462.378.468	492.597.676.684
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	5.499.425.187	5.499.425.187
Số dư tại ngày 30/6/2022	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	122.961.803.655	498.097.101.871

Đơn vị tính: VND

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 ngày 09/5/2022, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 với tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt: 500 VND/cổ phiếu. Công ty dự kiến sẽ chốt quyền nhận cổ tức và chi trả cổ tức trong trong quý 3 năm 2022.

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/6/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
Saisan Co., Ltd.	17.998.426	48,20%	179.984.260.000	17.998.426	48,20%	179.984.260.000
Ông Trần Minh Loan	2.188.100	5,86%	21.881.000.000	2.188.100	5,86%	21.881.000.000
Các cổ đông khác	17.153.403	45,94%	171.534.030.000	17.153.403	45,94%	171.534.030.000
<b>Tổng</b>	<b>37.339.929</b>	<b>100,00%</b>	<b>373.399.290.000</b>	<b>37.339.929</b>	<b>100,00%</b>	<b>373.399.290.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	373.399.290.000	373.399.290.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	373.399.290.000	373.399.290.000
Cổ tức đã chia	-	18.669.771.000

**d. Cổ phiếu**

	30/6/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.339.929	37.339.929
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.339.929	37.339.929
Cổ phiếu phổ thông	37.339.929	37.339.929
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	387	387
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu phổ thông	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	306.228.116	306.228.116



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**5.17 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ**

	Số nợ đã xóa VND	Thời điểm xóa nợ
Công ty Cổ phần Công nghệ An Toàn Dầu khí Việt Nam	1.300.000.000	Năm 2021
<b>Tổng</b>	<b>1.300.000.000</b>	

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 (Trình bày lại) VND
Doanh thu bán LPG	1.646.074.671.802	1.168.040.899.758
Doanh thu cho thuê vỏ bình gas	6.051.942.900	4.176.936.900
Doanh thu cho thuê bồn chứa, trạm chiết gas và các dịch vụ khác liên quan	2.770.118.888	2.921.611.943
<b>Tổng</b>	<b>1.654.896.733.590</b>	<b>1.175.139.448.601</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>1.277.089.941.584</i>	<i>918.224.521.655</i>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 (Trình bày lại) VND
Giá vốn bán LPG	1.617.068.325.315	1.128.829.886.224
Giá vốn cho thuê vỏ bình gas	5.689.494.059	4.654.521.336
Giá vốn cho thuê bồn chứa, trạm chiết gas và các dịch vụ khác liên quan	2.195.774.060	2.530.815.663
<b>Tổng</b>	<b>1.624.953.593.434</b>	<b>1.136.015.223.223</b>

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.065.236.168	6.161.941.303
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.150.000.000	708.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	201.562.548	570.346.967
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
<b>Tổng</b>	<b>11.416.798.716</b>	<b>7.440.288.270</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan</i>	<i>7.257.020.197</i>	<i>2.605.081.487</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>		

**6.4 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	13.262.061.839	8.768.817.614
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.297.205.044	15.951.705
Phí bảo lãnh tín dụng	-	49.959.742
<b>Tổng</b>	<b>17.559.266.883</b>	<b>8.834.729.061</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí lãi vay từ các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>335.679.833</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>		



Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Chi phí bán hàng	5.744.596.356	7.702.966.909
Chi phí thuê kho hàng, nhập hàng	2.002.599.346	3.947.584.082
Chi phí bảo lãnh mua hàng	2.420.856.844	2.100.659.479
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.321.140.166	1.654.723.348
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>11.164.822.339</b>	<b>12.625.843.431</b>
Chi phí nhân viên quản lý	4.711.313.324	5.090.317.143
Chi phí vật liệu quản lý	85.229.184	24.136.182
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.894.000	5.321.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.480.240.938	105.877.030
Thuế phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.864.042.536	2.528.840.375
Chi phí bằng tiền khác	2.017.102.357	4.867.351.701
<b>Tổng</b>	<b>16.909.418.695</b>	<b>20.328.810.340</b>

**6.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.898.320.294	17.412.974.247
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm		
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>4.246.155.240</i>	<i>706.805.565</i>
<i>Thu nhập từ nhận cổ tức</i>	<i>(4.150.000.000)</i>	<i>(708.000.000)</i>
Thu nhập chịu thuế	6.994.475.534	17.411.779.812
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	6.994.475.534	17.411.779.812
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.398.895.107	3.482.355.962
<b>Tổng</b>	<b>1.398.895.107</b>	<b>3.482.355.962</b>

**6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	88.123.184	29.457.182
Chi phí nhân công	4.711.313.324	5.090.317.143
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.480.240.938	105.877.030
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.804.412.952	17.417.144.283
Chi phí khác bằng tiền	2.021.102.357	4.871.351.701
<b>Tổng</b>	<b>19.105.192.755</b>	<b>27.514.147.339</b>

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1. Các cam kết**

Tại ngày 30/6/2022, Công ty có các cam kết thuê hoạt động không hủy ngang bao gồm thuê kho bãi, thuê văn phòng. Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai cho hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Năm thứ nhất	5.866.560.000	8.580.711.636
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	15.848.640.000	14.045.243.637
Từ năm thứ năm trở đi	-	-
<b>Tổng</b>	<b>21.715.200.000</b>	<b>22.625.955.273</b>

**7.2. Thông tin về các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan chủ yếu mà Công ty có giao dịch trong kỳ:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Saisan Co., Ltd.	Cổ đông lớn
2	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình	Công ty con trực tiếp
3	Công ty Cổ phần Thương Mại Gas Bình Minh	Công ty con gián tiếp
4	Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty con trực tiếp
5	Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	Công ty con trực tiếp
6	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết
7	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết
8	Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết
9	Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết
10	Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết
11	Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn	Công ty con của Công ty liên kết
12	Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết

**a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác**

Thù lao của Hội đồng Quản trị và người quản lý khác (i)

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
		VND	VND
Ông Takehiko Kawamoto	Chủ tịch	-	-
Ông Tomohiko Kawamoto	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Hirohisa Ikeno	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Trần Minh Loan	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000



Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**Thù lao của thành viên Ủy ban kiểm toán (i)**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
		VND	VND
Ông Yasuyoshi Kasahara	Chủ tịch	-	-
Ông Huỳnh Bửu Tuần	Thành viên	-	-

(i) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 ngày 09/5/2022, Công ty không chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị không có quốc tịch Việt Nam và Ủy ban kiểm toán.

**Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
		VND	VND
Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc	347.981.282	244.723.607
Ông Hirohisa Ikeno	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Huỳnh Bửu Tuần	Thành viên Ủy ban kiểm toán kiêm Trưởng phòng kế toán	437.037.731	-
Ông Lại Văn Tú	Kế toán trưởng	295.952.929	217.961.175
Ông Vũ Thanh Hòa	Người phụ trách công bố thông tin	526.635.548	406.599.396

**b. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
		VND	VND
<b>Mua hàng</b>		<b>35.500.134.238</b>	<b>2.085.469.142</b>
Công ty Cổ phần MT Gas	Phí gửi kho LPG	379.000.000	75.319.879
Saisan Co., Ltd.	Phí bảo hiểm	-	189.518.201
	Phí bảo lãnh tín dụng	-	925.353.562
	Chi phí khác	199.128.062	895.277.500
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Mua vỏ chai LPG	34.740.260.000	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Mua LPG	181.746.176	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
<b>Bán hàng</b>		<b>1.277.089.941.584</b>	<b>918.224.521.655</b>
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	Bán LPG	505.437.178.306	346.835.000.000
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	Bán LPG, cho thuê vỏ chai	374.672.000.000	407.847.280.170
Công ty Cổ Phần MT Gas	Bán LPG	83.066.285.534	72.297.758.822
Công ty Cổ Phần Ngọn Lửa Thần	Bán LPG	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Bán LPG	40.467.012.033	25.497.351.590
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh - Chi nhánh Ngọn Lửa Thần	Bán LPG	33.347.725.760	23.517.668.358
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Bán LPG	6.495.073.645	1.470.198.551
Chi nhánh Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn - Nhà máy Sản xuất Bình áp Lực Mỹ Phước	Bán LPG	735.442.005	544.447.305
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Bán LPG	145.223.000.000	32.962.895.226
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Bán LPG	87.646.224.301	7.251.921.633
<b>Giao dịch cho vay</b>			
Công ty Cổ phần Liên Doanh Hướng Dương Machida Gas	Phần tiền gốc chi cho vay	-	2.000.000.000
	Phần tiền gốc thu hồi	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Phần tiền gốc chi cho vay	-	193.215.782.000
	Phần tiền gốc thu hồi	43.800.000.000	-
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Phần tiền gốc chi cho vay	-	9.500.000.000
	Phần tiền gốc thu hồi	950.000.000	475.000.000
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Phần tiền gốc chi cho vay	-	3.000.000.000
	Phần tiền gốc thu hồi	-	3.000.000.000



Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
<b><u>Doanh thu hoạt động tài chính</u></b>		7.257.020.197	2.605.081.487
Công ty Cổ phần Liên Doanh Hướng Dương Machida Gas	Lãi vay	-	8.761.644
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Lãi vay	2.893.296.226	1.784.736.947
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Lãi vay	213.723.971	64.417.808
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Lãi vay	-	14.013.699
Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	Lãi vay	-	25.151.389
Công ty TNHH Bình khí đốt Hongvina	Lợi nhuận được chia	3.150.000.000	708.000.000
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Cổ tức được chia	1.000.000.000	-
<b><u>Chi phí tài chính</u></b>		-	335.679.833
Saisan Co., Ltd.	Chi phí lãi vay	-	335.679.833

**c. Số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan		30/6/2022	01/01/2022
		VND	VND
<b><u>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (trình bày lại)</u></b>		524.287.884.993	413.354.184.132
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	Bán LPG	59.796.825.759	-
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	Bán LPG	333.204.021.562	351.070.740.555
Công ty Cổ Phần MT Gas	Bán LPG	24.625.949.415	22.170.277.751
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Bán LPG	7.144.580.971	1.073.621.757
Chi nhánh Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn - Nhà máy Sản xuất Bình áp Lục Mỹ Phước	Bán LPG	-	191.317.381
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Bán LPG	32.427.131.247	22.563.418.011
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Bán LPG	40.596.846.871	-
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh - Chi nhánh Ngọn Lửa Thần	Bán LPG	8.106.208.944	4.829.096.858
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Bán LPG	18.386.320.224	11.455.711.819

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Các bên liên quan		30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
<b><u>Trả trước cho người bán ngắn hạn</u></b>		-	5.707.200.000
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Tạm ứng tiền mua vỏ chai LPG	-	5.707.200.000
<b><u>Phải thu khác ngắn hạn</u></b>		<b>8.619.181.180</b>	<b>5.716.398.267</b>
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Lợi nhuận phải thu	3.150.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Phải thu lãi cho vay	879.748.854	2.221.849.490
Công ty TNHH LPG Tiến Phát Saisan Co., Ltd.	Phải thu lãi cho vay Phải thu tiền thuế TNCN nộp hộ	34.356.164 4.155.076.162	39.867.466 3.054.681.311
Ông Lại Văn Tử	Tiền ủy quyền mua cổ phần	400.000.000	400.000.000
<b><u>Phải thu về cho vay</u></b>		<b>174.878.102.000</b>	<b>221.628.102.000</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Tiền gốc cho vay	149.415.782.000	195.215.782.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Tiền gốc cho vay	7.125.000.000	8.075.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt	Tiền gốc cho vay	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Vinh Quang	Tiền gốc cho vay	4.600.000.000	4.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Tiền gốc cho vay	8.217.320.000	8.217.320.000
<b><u>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</u></b>		-	4.682.571.525
Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình	Ứng tiền mua LPG	-	4.682.571.525
<b><u>Phải trả người bán ngắn hạn</u></b>		<b>1.170.475.800</b>	-
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Mua vỏ bình gas	1.170.475.800	-



Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

**7.3. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập biểu



Lại Văn Tú

Kế toán trưởng



Lại Văn Tú

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2022

Tổng Giám đốc



Trần Minh Loan